

VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

Hoạt động ngân hàng Việt Nam - bức tranh toàn cảnh 2012 và khuyến nghị chính sách 2013

Trong giai đoạn 8 năm, từ năm 2004 trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam đã theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng đầu tư, đặc biệt thông qua tăng trưởng cung tiền, tín dụng và chi tiêu của khu vực kinh tế Nhà nước đi kèm với thâm hụt NSNN, trong khi hiệu quả đầu tư ngày càng giảm. Sự thiếu hợp lý trong cơ cấu phát triển kinh tế và những mất cân đối vĩ mô, đặc biệt là giữa tiết kiệm và đầu tư, giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa cung và cầu tiền trong suốt một thời gian dài đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng thiếu bền vững, trở nên dễ tổn thương trước những cú sốc điều chỉnh chính sách và cú sốc bên ngoài. Hệ quả tất yếu là trong năm 2012, nền kinh tế Việt Nam đã không thể đạt được một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng theo kế hoạch.

Với bối cảnh bất ổn trên, năm 2012 thực sự là một năm đầy thách thức cho việc điều hành của NHNN Việt Nam cũng như hoạt động của các NHTM Việt Nam. Bài viết này nhóm tác giả trung làm rõ những nội dung: (1) Hoạt động điều hành của NHNN năm 2012; (2) Thực trạng hoạt động của các NHTM năm 2012;

như sẽ tập NHNN năm 2012; và (3) một số khuyến nghị chính sách cho năm 2013.

NGND. PGS. TS. TÔ NGỌC HÙNG - TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG

Học viện Ngân hàng

Năm 2012, GDP tăng trưởng chỉ đạt 5,03% (mức thấp nhất kể từ năm 1999); tỷ lệ thâm hụt NSNN là 4,8%; tỷ lệ thất nghiệp, hàng tồn kho tăng cao (chỉ số hàng tồn kho của ngành công nghiệp chế biến tính đến 01/10/2012 tăng 20,9% so với cùng kỳ năm trước). Mặc dù vậy, bức tranh kinh tế năm 2012 cũng có những điểm sáng đáng ghi nhận với lạm phát được kiểm chế thành công ở mức 6,81%; cán cân thương mại trở lại thặng dư sau 20 năm nhập siêu triền miên ở mức 284 triệu USD trong khi các dòng vốn, kiều hối vẫn ổn định giúp cán cân tổng thể thặng dư khoảng 10 tỷ USD.

1. Hoạt động điều hành của NHNN Việt Nam

1.1. NHNN điều hành CSTT theo hướng kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát và bình ổn kinh tế vĩ mô

Với mục tiêu trọng tâm là ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN Việt Nam đã điều hành CSTT kiên định mục tiêu chống lạm phát trong năm 2012 nhưng vẫn đảm bảo mức độ linh hoạt và chủ động để ứng phó kịp thời với những diễn biến bất thường có thể xảy ra. Nhờ đó, điều hành CSTT đã đem lại một số kết quả khả

quan như sau:

Thứ nhất, sau một thời gian duy trì ở mức 2 con số, lạm phát được kiểm chế thành công khi cả năm 2012 chỉ ở mức 6,81% được coi là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Đây được coi là kết quả đáng ghi nhận từ việc điều hành CSTT thận trọng linh hoạt của NHNN trong năm 2012.

Thứ hai, khác với những năm trước, chúng ta đã chứng kiến một năm khá ổn định trên cả thị trường ngoại tệ chính thức và thị trường tự do, tỷ giá ổn định, không có những biến động bất thường gây bất ổn tới thị trường tiền tệ cũng như nền kinh tế.

Thành công này có được là do sự hỗ trợ tích cực của cả yếu tố chủ quan và khách quan đó là: (i) Sự tăng mạnh của nguồn cung ngoại tệ từ tăng trưởng mạnh của xuất khẩu, kiều hối dồi dào, các dòng vốn khác như FDI, FPI, ODA vẫn tiếp tục đổ vào mặc dù không nhiều như các năm trước; (ii) cầu ngoại tệ không biến động mạnh do kim ngạch nhập khẩu không tăng mạnh như mọi năm; (iii) các nhân tố vốn gây bất ổn cho thị trường ngoại hối như tăng trưởng tín dụng ngoại tệ, biến động giá vàng... gần như đã được loại trừ; (iv) thêm vào đó, tác động tích cực của các biện pháp điều hành của NHNN nhằm chống tình trạng đô la hóa và vàng hóa, cộng với thông điệp điều hành tỷ giá rõ ràng của Thống đốc đã giúp bình ổn tỷ giá USD/VND.

Nhờ đó, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã tăng gấp đôi so với đầu năm 2012, đạt khoảng 11,5-12 tuần nhập khẩu.

Thứ ba, được sự hỗ trợ của lạm phát thấp, NHNN đã liên tục giảm các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để kéo theo *mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cho nền kinh tế tại các NHTM xuống*, đặc biệt là lãi suất cho vay (dao động quanh mức 12-15% so với con số 20-25% năm 2011). Thêm vào đó, hiện tượng “đi đêm” lãi suất, “vượt rào” lãi suất giảm mạnh, không còn phổ biến như trước đã chứng tỏ phần nào tính hiệu lực điều hành CSTT qua kênh lãi suất của NHNN Việt Nam. Một điểm sáng khác trong việc điều hành lãi suất của NHNN là, đã dần định hình đường cong lãi suất khi mà lãi suất trung dài hạn cao hơn so với lãi suất ngắn hạn.

Tuy nhiên, hoạt động điều hành của NHNN trong năm 2012 cũng cho thấy CSTT vẫn chưa thể hiện tác động rõ nét tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế mặc dù NHNN đã thực hiện nới lỏng tiền tệ thận trọng trong nửa cuối năm 2012, khi tăng trưởng GDP năm 2012 ở mức thấp nhất kể từ năm 1999 (trên thực tế, nguyên nhân của hiện trạng trên đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra là bắt nguồn từ “độ trễ” của chính sách).

1.2. NHNN thực hiện nghiêm túc và quyết tâm chính sách chống đô la hóa và vàng hóa nền kinh tế

Trong những năm gần đây,

tình trạng đô la hóa và vàng hóa nền kinh tế Việt Nam ngày càng trở nên trầm trọng. Đây được coi là một trong những nguyên nhân khiến cho thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối biến động bất ổn, nguồn vốn bị ứ đọng trong dân, không được đưa vào nền kinh tế. Chính vì vậy, tiếp nối năm 2011, NHNN đã có một hệ thống gói giải pháp khá toàn diện để ngăn chặn tình trạng đô la hóa và vàng hóa nền kinh tế trong năm 2012 (Nghị định 24 và Thông tư 16 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư 12 và 24 về chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của các TCTD, chấm dứt huy động và cho vay bằng vàng...). Về cơ bản, gói giải pháp này được coi là một trong những “điểm sáng” trong hoạt động điều hành của NHNN trong năm 2012.

1.3. NHNN tăng cường quản lý đối với hoạt động của hệ thống NHTM

1.3.1. Tăng cường hoạt động thanh tra giám sát để đảm bảo sự lành mạnh, an toàn của cả hệ thống ngân hàng

Trong năm qua, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng đã tăng cường công tác này bằng việc ban hành một số văn bản, qui định nhằm tăng cường, chấn chỉnh công tác thanh tra giám sát hoạt động ngân hàng, đồng thời tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra và xử lý các sai phạm trong hoạt động ngân hàng. Nhờ đó mà hoạt động thanh tra giám sát của NHNN đã đạt được một số

kết quả tương đối khả quan.

Thứ nhất, tình trạng vi phạm, vượt rào các văn bản quy phạm pháp luật do NHNN ban hành giảm đi khá rõ rệt (vượt rào lãi suất, tỷ giá...). Các hành động lũng đoạn của thị trường ngoại tệ, thị trường vàng tự do đã không còn gây nên nhiều bất ổn như các năm trước. Đây được coi là thành công đáng ghi nhận nếu so với các vi phạm trong các năm trước đây.

Thứ hai, với việc tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động của hệ thống các NHTM, thì tình hình tài chính, quản trị, đặc biệt là vấn đề nợ xấu tại các NHTM được công khai, minh bạch hơn; số liệu có độ tin cậy cao hơn; mức độ sai lệch giữa các số liệu báo cáo giảm đáng kể. Tình trạng “xào nấu” số liệu, làm đẹp báo cáo tài chính, biến lỗ thành lãi, lãi thành lỗ đang được loại trừ. Điều đó sẽ giúp cho NHNN cũng như các nhà hoạch định chính sách thấy rõ thực trạng kinh doanh của hệ thống NHTM, từ đó đưa ra những biện pháp xử lý hiệu quả và toàn diện hơn.

1.3.2. Cơ chế chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng mới dựa trên phân nhóm ngân hàng

Trong các năm trước, NHNN chỉ đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng chung của cả hệ thống ngân hàng, còn các NHTM tự quyết định mức tăng trưởng tín dụng riêng của mình đã khiến cho nhiều NHTMCP nhỏ có mức tăng trưởng tín dụng rất cao (40-55%) tập trung vào các lĩnh vực có độ rủi ro cao

như chứng khoán, bất động sản... Điều này được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nợ xấu rất cao, ảnh hưởng đến sự an toàn của toàn hệ thống ngân hàng. Chính vì vậy, năm 2012, NHNN đã thay đổi cách điều hành tín dụng của hệ thống NHTM, đó là việc NHNN phân loại TCTD thành 4 nhóm và giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng nhóm: Nhóm 1 tăng trưởng tối đa 17%; nhóm 2 tăng trưởng tối đa 15%; nhóm 3 tăng trưởng tối đa 8%; và nhóm 4 là không được tăng trưởng. Theo nhóm nghiên cứu, mục tiêu của việc phân nhóm các NHTM là:

Thứ nhất, đây chính là quá trình “sàng lọc” toàn bộ hệ thống ngân hàng để giúp cho NHNN thực hiện quá trình tái cấu trúc một cách hiệu quả. Theo đó, nếu ngân hàng rơi vào nhóm 4- nhóm yếu kém, để có thể tiếp tục tồn tại và hoạt động thì các ngân hàng này không còn cách nào khác ngoài tự nguyện sáp nhập với ngân hàng khác. Nhờ đó mà hệ thống NHTM Việt Nam có thể an toàn và hiệu quả hơn.

Thứ hai, với việc phân nhóm các ngân hàng, thay vì phân bổ chỉ tiêu cào bằng, hành chính, NHNN đã thực hiện cơ chế điều hành tăng trưởng tín dụng theo năng lực hoạt động, năng lực kinh doanh của ngân hàng- thể hiện hướng điều hành theo thị trường. Đây được coi là bước tiến đáng kể trong hoạt động quản lý, kiểm soát tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng.

Thứ ba, nếu ngân hàng bị rơi vào nhóm yếu kém thì ngân hàng đó sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực: Khó huy động tiền gửi, tăng trưởng tín dụng thấp, lợi nhuận khó đạt được theo kế hoạch,... Chính vì vậy, việc *phân nhóm ngân hàng sẽ khiến cho các NHTM luôn phải nỗ lực cố gắng trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành để không bị xếp vào nhóm yếu kém*. Từng ngân hàng mạnh hơn, an toàn hơn sẽ giúp cho cả hệ thống ngân hàng mạnh hơn, an toàn hơn.

1.4. Tăng cường minh bạch thông tin về hoạt động của NHNN và các NHTM

Lần đầu tiên trong lịch sử, NHNN đã ban hành Thông tư 35/2011 công bố thông tin về tiền tệ và hoạt động ngân hàng (có hiệu lực vào ngày 01/4/2012), trong đó có rất nhiều thông tin vốn được coi là “mật” sẽ được công khai. Đơn cử như 5/12 chỉ số cốt lõi trong bộ chỉ số lành mạnh tài chính của mỗi quốc gia theo tiêu chuẩn của IMF như tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ, dư nợ của từng lĩnh vực trong tổng dư nợ, chỉ số ROA và ROE của hệ thống ngân hàng vốn được IMF và các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm, nay sẽ được công bố một cách đầy đủ, chính thức và định kỳ (tháng, quý, nửa năm, năm) tùy theo từng chỉ số. Ngoài ra, những thông tin về mua, bán, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép của TCTD hay các xử phạt hành

chính cũng sẽ được công bố; lãi suất điều hành, các loại tỷ giá, kết quả hoạt động thị trường liên ngân hàng, kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở, diễn biến thị trường vàng và ngoại tệ; các chủ trương, định hướng điều hành của NHNN, các quyết định điều hành của Thống đốc... cũng sẽ được công bố kịp thời. Đây là bước tiến mới, một cam kết rất quan trọng của NHNN nhằm từng bước công khai, minh bạch các thông tin về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Khi thông tin được minh bạch hơn sẽ giúp củng cố niềm tin của công chúng, của các nhà đầu tư, của các tổ chức quốc tế vào hệ thống ngân hàng, tránh được những ảnh hưởng dây chuyền tiêu cực không đáng có.

1.5. NHNN đã thực hiện bài bản giai đoạn đầu của đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015” ban hành kèm theo QĐ số 254/QĐ-TTg

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, tái cấu trúc toàn bộ hệ thống ngân hàng- tài chính là một trong ba trụ cột của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế. Chủ trương này đã được cụ thể hóa bằng đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015” ban hành kèm theo QĐ số 254/QĐ-TTg. Trọng tâm của đề án là các giải pháp tập trung xử lý các TCTD yếu kém, trên cơ sở phân nhóm được NHNN thực hiện. Sau khi áp dụng các biện pháp đảm bảo khả năng chi trả,

TCTD yếu kém được sáp nhập, hợp nhất, mua lại trên cơ sở tự nguyện hoặc bắt buộc. NHNN sẽ trực tiếp mua lại vốn điều lệ hoặc cổ phần của TCTD yếu kém để chấn chỉnh, củng cố, lành mạnh hóa một bước, sau đó sáp nhập, hợp nhất TCTD khác hoặc bán lại cho các nhà đầu tư có điều kiện. Đây được coi là một nỗ lực quan trọng nhất về mặt pháp lý trong việc tái cấu trúc ngân hàng vì nó tạo ra một hành lang để xử lý các ngân hàng yếu kém, và đề ra một loạt chỉ tiêu cần phải đạt được cho đến năm 2015. Nhìn lại gần một năm qua, công cuộc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của NHNN, *hoạt động sáp nhập và hợp nhất của một số các ngân hàng nhỏ và các ngân hàng có vấn đề đã được thực hiện thành công*. Cụ thể, tháng 12/2011, NHNN công bố việc hợp nhất ba ngân hàng có mức nợ xấu cao (SCB, Tín Nghĩa, Ficombank), trong đó BIDV được chỉ định làm đại diện cho phần vốn nhà nước trong ba ngân hàng và đóng vai trò hỗ trợ tư vấn quá trình hợp nhất. Tiếp đó, tháng 8/2012, trường hợp sáp nhập ngân hàng đầu tiên được NHNN công bố, đó là Ngân hàng SHB, một ngân hàng tầm trung mua lại Habubank, một ngân hàng nhỏ gặp khó khăn nghiêm trọng về nợ xấu. Quá trình này đang được thúc đẩy với nhiều thông tin tích cực được công bố vào những ngày đầu năm 2013.

Thứ hai, NHNN đã thực hiện tốt việc *giải quyết vấn đề thanh khoản tại một số ngân hàng trong nhóm 3 và 4*. Được sự hỗ trợ của NHNN, chỉ số an toàn của các ngân hàng này đã dần được cải thiện và hoạt động kinh doanh quay trở lại trạng thái ổn định. Điều này đảm bảo quá trình tái cơ cấu ngân hàng không xảy ra đổ vỡ, mất an toàn hoạt động ngân hàng và cũng là tiền đề cho quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng trong các năm tiếp theo.

Thứ ba, một điểm đáng chú ý trong năm 2012 là *NHNN đã đẩy mạnh việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực ngân hàng* với mục tiêu lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng và bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền. Đây được xem là kết quả bước đầu nhằm thực hiện một trong bốn mục tiêu của tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, qua đó góp phần đẩy nhanh lộ trình thực hiện.

Mặc dù đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ, song quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng vẫn còn tồn tại là *thông tin về quá trình tái cơ cấu các ngân hàng chưa được truyền thông hiệu quả tới công chúng*. Bên cạnh đó, các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng sau tái cơ cấu không được công bố rộng rãi, tạo ra hoài nghi trong công chúng về quá trình tái cơ cấu các ngân hàng trong năm 2012. Tuy nhiên, nếu các đề án, giải pháp tái cơ cấu và sau tái cơ cấu là thực sự khả thi và được công

bổ rộng rãi thì có thể giúp tăng cường uy tín của ngân hàng tái cơ cấu nói riêng và hệ thống ngân hàng nói chung.

2. Đánh giá hoạt động của các ngân hàng thương mại năm 2012

2.1. Tình hình tăng trưởng tín dụng và nợ xấu

2.1.1. Tình hình tăng trưởng tín dụng

Trên tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN năm 2012, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/02/2012 về tổ chức thực hiện CSTT và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012 với định hướng tốc độ tăng trưởng phương tiện thanh toán khoảng 14-16% và tín dụng khoảng 15-17%, giảm mặt bằng lãi suất ở mức hợp lý, điều hành tỷ giá linh hoạt, bảo đảm hoạt động của hệ thống các TCTD an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, dù nửa cuối năm 2012, NHNN đã điều hành CSTT theo hướng nói lỏng, thực tế tăng trưởng tín dụng trong năm 2012 chỉ đạt 8,91%.

Về cung tín dụng, thanh khoản được cải thiện đáng kể so với cuối năm 2011 và đầu năm 2012 nhưng vẫn tập trung tại hệ thống ngân hàng và chủ yếu được sử dụng để đầu tư vào trái phiếu Chính phủ thay vì cho vay đối với nền kinh tế. Về phía cầu tín dụng, mặc dù lãi suất cho vay đã giảm mạnh

Hoạt động điều hành của HNNH trong năm 2012 đã đạt được một số thành công đáng ghi nhận: (i) Lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; (ii) tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối đạt 11,5 tuần nhập khẩu; (iii) mặt bằng lãi suất giảm xuống đáng kể, bước đầu phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp lành mạnh; (iv) chính sách chống vàng hóa và đô la hóa đã phần nào giúp tăng giá trị cũng như tăng niềm tin vào VND; (v) công tác thanh tra, giám sát ngân hàng được tăng cường, mức độ minh bạch thông tin được nâng cao, từng bước giúp lành mạnh hóa hoạt động hệ thống ngân hàng; (vi) giai đoạn đầu của quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng với mục đích sáp nhập các ngân hàng nhỏ, yếu kém đã được NHNN thực hiện khá bài bản.

nhưng trước những khó khăn chồng chất của doanh nghiệp, nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh vẫn không được cải thiện do nhu cầu đầu tư trở nên

Hình 1. Tăng trưởng GDP và tín dụng so với cùng kỳ sau khi loại bỏ yếu tố giá



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục thống kê và tính toán của nhóm nghiên cứu

đặc biệt thiếu nhạy cảm với sự thay đổi của lãi suất trong điều kiện tương lai bất ổn và khi niềm tin vào thị trường giảm xuống (mức độ rủi ro tăng cao dẫn tới tình trạng quan ngại quá mức (pessimism trap), khiến cho giảm lãi suất không thúc đẩy nhu cầu vay vốn). Như vậy, mức độ hiệu quả truyền tải CSTT qua hệ thống NHTM đã bị giảm đi đáng kể trong thực trạng suy giảm nhu cầu của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh có nhiều biến động khó lường.

Trên thực tế, nếu giai đoạn cuối năm 2011 và quý đầu năm 2012, hệ thống TCTD Việt Nam đối mặt với rủi ro thanh khoản thường trực thì kể từ đầu quý 2/2012, vấn đề nghiêm trọng nhất đối với hệ thống TCTD là nợ quá hạn, nợ xấu gia tăng liên tục. Tăng trưởng tín dụng năm 2009 và 2010 ở mức 37,53% và 31,19% là nguyên nhân cơ bản dẫn tới lạm phát tăng cao từ cuối năm 2010 cho tới cuối năm 2011. Khi NHNN thực hiện CSTT thắt chặt, thanh khoản của

hệ thống bị suy giảm nghiêm trọng do lượng tiền trong hệ thống và nền kinh tế bị hút trở lại thông qua nghiệp vụ thị trường mở, cộng với thực trạng người gửi tiền có xu hướng rút tiền gửi từ TCTD trả lãi suất thấp để gửi vào TCTD trả lãi suất cao vốn là hệ quả của cuộc đua tranh lãi suất giữa các TCTD. Tăng trưởng tín dụng trong quý 1/2012 giảm cũng có một phần nguyên nhân từ tình hình căng thẳng thanh khoản của các TCTD.

Thực hiện CSTT nói lỏng có thận trọng, NHNN thành công phần nào trong việc khôi phục lại thanh khoản cho hệ thống TCTD. Tuy thanh khoản của hệ thống dư thừa, tổng phương tiện thanh toán tăng trưởng nhưng tín dụng lại tăng trưởng âm trong 5 tháng đầu năm 2012, đạt mức 2,35% tính tới cuối tháng 9/2012, 2,77% tính tới 19/10/2012 và cả năm đạt 8,91%. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng niêm yết (đều thuộc nhóm ngân hàng được giao mức tăng trưởng tín dụng tối đa 17%, trừ NVB là

15%) đều ở mức thấp trong ba quý đầu năm 2012¹. Cá biệt ở một số ngân hàng, tín dụng tăng trưởng âm mặc dù được giao chỉ tiêu ở mức cao. Trái ngược với nhóm ngân hàng niêm yết có tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp², một số ngân hàng đã đề nghị NHNN cho phép tăng

tăng trưởng tín dụng vượt chỉ tiêu và được NHNN xem xét, chấp thuận nâng mức tăng trưởng lên 17-30%³. Các ngân hàng này hầu hết quy mô nhỏ, vừa tăng vốn điều lệ trong năm 2011 nên cần phải mở rộng tổng tài sản (trong đó có tỷ trọng lớn vào tín dụng) để bảo đảm hiệu quả đồng vốn của cổ đông. Tuy nhiên, ngay cả việc tăng trưởng tín dụng các ngân hàng này đạt mức cao hơn bình quân ngành thì cũng không thể nào làm thay đổi bức tranh tín dụng ảm đạm của cả hệ thống. Thậm chí, một số ngân hàng xin tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cũng chưa hoàn thành một phần chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được giao đầu năm, và trong bối cảnh kinh tế tiềm

¹ SHB tăng trưởng tín dụng ở mức cao do HBB sáp nhập vào SHB

² Hầu hết các ngân hàng ở nhóm một (chỉ tiêu tăng trưởng tối đa 17%) chưa đạt được chỉ tiêu được giao tính tới hết quý 3 năm 2012 và khả năng đạt được chỉ tiêu vào quý cuối cùng của năm cũng là rất khó

³ Các ngân hàng được tăng chỉ tiêu là các đơn vị có tăng trưởng tín dụng đã đạt trên 50% chỉ tiêu theo thông báo của NHNN từ đầu năm 2012

ấn nhiều rủi ro như hiện nay, việc cố gắng đạt mức chỉ tiêu cao vào những tháng cuối năm có thể tạo ra hệ lụy về chất lượng tín dụng cho các ngân hàng này trong tương lai.

Bên cạnh những nguyên nhân từ phía doanh nghiệp và môi trường kinh tế thì tỷ lệ nợ xấu cao và các TCTD thực hiện chính sách tín dụng thắt chặt là lý do chính dẫn tới thực trạng tăng trưởng tín dụng thấp so với chỉ tiêu NHNN giao đầu năm và so với tốc độ tăng trưởng của các năm trước.

Trong cả năm 2011 và 2012, dư nợ tín dụng tăng trưởng ở mức thấp hơn các năm trước, nhưng đã có sự thay đổi về chất trong tăng trưởng tín dụng khi xem xét trong mối quan hệ với tăng trưởng GDP. Năm 2009-2010, tăng trưởng tín dụng lần lượt là 37,53% và 31,19% thì tăng trưởng GDP tương ứng là 5,3% và 6,8%. Tuy nhiên, năm 2011-2012, tăng trưởng tín dụng đạt 12% và 8,91% thì GDP tăng trưởng 5,89% và 5,03%. Rõ ràng, hiệu quả của dòng vốn tín dụng trong thúc đẩy tăng trưởng GDP đã có những thay đổi theo hướng tích cực. Về cơ bản, kết quả này có thể được lý giải là do nguồn vốn tín dụng đã được hướng vào các khu vực sản xuất.

Cụ thể, để có các kết quả trên, NHNN đã thực hiện các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTM chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng ưu tiên tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu..., kiểm soát tỷ trọng dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực không khuyến khích so với tổng dư nợ cho vay không quá 16%. Ngoài ra, NHNN đã quy định và điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn của các TCTD tối đa bằng VND đối với 04 lĩnh vực ưu tiên gồm nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, và ngành công nghiệp hỗ trợ.

Dưới sự điều hành chủ động và linh hoạt trên, tình hình cơ cấu tín dụng của các NHTM đã có những chuyển biến tích cực: (i) Nhiều NHTM đã triển khai các gói tín dụng quy mô lớn hỗ trợ khách hàng tốt để sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên với lãi suất thấp, khoảng 9-10%; bố trí nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế; (ii) lãi suất cho vay các lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa đã giảm đáng kể so với thời điểm đầu năm, phổ biến ở mức 10-13%,

NHNN đã nỗ lực thực hiện đồng thời nhiều biện pháp nới lỏng CSTT, nhưng trước những khó khăn trong nền kinh tế với sự sụt giảm của cả tổng cung và tổng cầu thì tăng trưởng tín dụng thấp là khó tránh khỏi. Bên cạnh đó, thực trạng tăng trưởng tín dụng thấp có một phần nguyên nhân rất lớn từ những bất hợp lý trong cơ cấu kinh tế, định hướng phát triển kinh tế đất nước và các biện pháp điều hành chính sách từ giai đoạn trước. Do vậy, cũng cần phải xem lại trách nhiệm của các bên liên quan tới vấn đề này, đó là Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư..., từ hệ thống doanh nghiệp và người dân bên cạnh trách nhiệm của NHNN nói riêng và cả hệ thống ngân hàng nói chung.

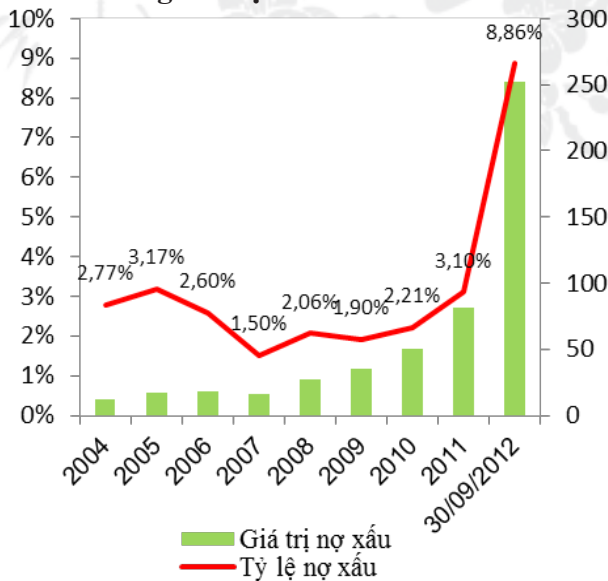
thấp nhất là 8,95%; (iii) cơ cấu tín dụng đã có sự chuyển biến

Bảng 1. Cơ cấu dư nợ tín dụng phân theo ngành

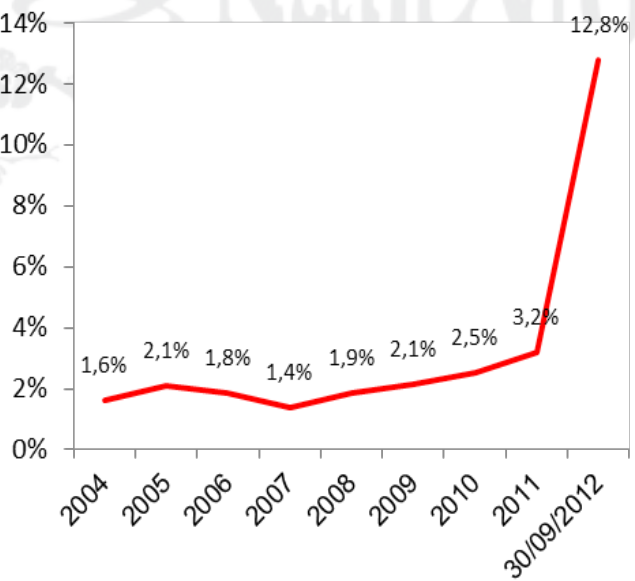
Ngành	Dư nợ 9/2012	Dư nợ 7/2012	Dư nợ 12/2011
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	10,1%	9,0%	8,8%
Công nghiệp và xây dựng	39,5%	40,3%	39,0%
Hoạt động thương mại, vận tải và viễn thông	24,9%	26,3%	27,3%
Các hoạt động dịch vụ khác	25,5%	24,4%	24,9%
Tổng	100%	100%	100%

Nguồn: NHNN

Hình 2. Giá trị nợ xấu (1.000 tỷ đồng) và tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống giai đoạn 2004- 9/2012



Hình 3. Tỷ lệ Nợ xấu/GDP giai đoạn 2004- 9/2012



Nguồn: NHNN, tính toán của nhóm nghiên cứu

tích cực khi tỷ trọng tín dụng đối với ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên tổng dư nợ tín dụng đã tăng lên so với thời điểm cuối năm 2011. Đây cũng là ngành duy nhất có mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế tăng so với các năm trước, đóng góp đáng kể vào việc duy trì tăng trưởng kinh tế trong năm 2012.

2.1.2. Nợ xấu tích tụ từ nhiều năm trước nhưng bộc lộ rõ nét trong năm 2012

Trong năm 2012, nợ xấu tiếp tục là tiêu điểm trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng với một số đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, nợ xấu tích tụ từ nhiều năm trước nhưng bộc lộ rõ nét trong năm 2012 cả về con số tương đối và tuyệt đối. Nợ xấu có xu hướng tăng bắt đầu từ năm 2007 và đặc biệt được quan tâm chú ý từ cuối năm 2011 vì tốc độ tăng rất

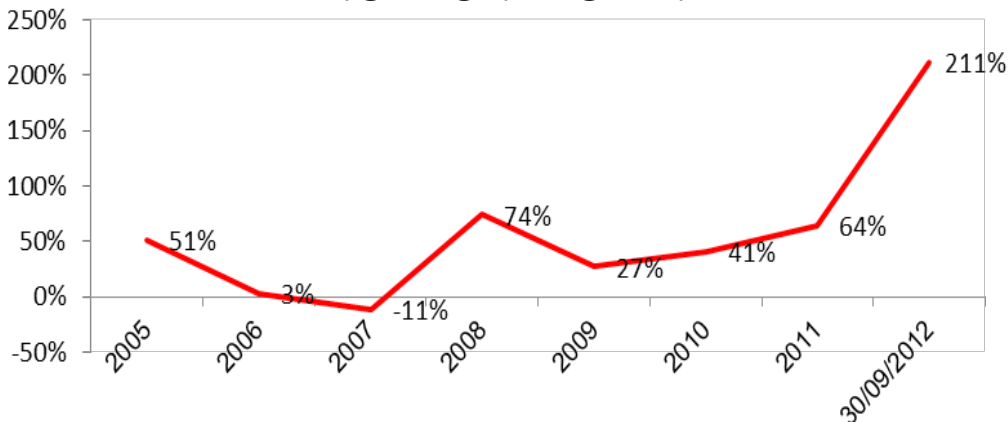
nhau. Theo số liệu chính thức của NHNN, tính tới thời điểm 30/9/2012, nợ xấu toàn ngành ở mức 8,82% tổng dư nợ tín dụng, tương đương 257.164 tỷ đồng, cao hơn nhiều con số báo cáo của các TCTD là 4,93%. Tuy nhiên, theo đánh giá của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, tình hình nợ xấu của Việt Nam còn tồi tệ hơn nhiều. Theo các chuyên gia phân tích của Fitch Ratings, con số này vào 9/2012 khoảng 15%. Trong khi đó, theo một báo cáo trên tờ Wall Street Journal tháng 9/2012, Barclays, tập đoàn ngân hàng lớn của nước Anh, cho rằng tỷ lệ nợ xấu của Việt Nam lên tới 20%. Ngay sau đó trái phiếu phát hành bằng nội tệ và ngoại tệ của Việt Nam đã bị Moody's hạ bậc tín nhiệm từ B1 xuống mức B2 do liên quan đến các vấn đề về nợ xấu.

Mặc dù, vấn đề nợ xấu đã

được đặc biệt quan tâm và cảnh báo từ cuối năm 2011, nhưng tốc độ gia tăng nợ xấu năm 2012 lại vọt lên cao hơn rất nhiều so với những năm trước đó. Năm 2009, tốc độ tăng nợ xấu chỉ là 27% chiếm 2,1% GDP; sang năm 2010, tỷ lệ nợ xấu là 2,21%, tăng 41%, chiếm 2,5% GDP. Trong năm 2011, khi tổng dư nợ chỉ tăng 13,32% thì tỷ lệ nợ xấu là 3,10%, giá trị nợ xấu tăng 64% (từ khoảng 50.400 tỷ đồng lên 81.000 tỷ đồng). Tuy vậy, sang năm 2012, chỉ 9 tháng đầu năm nợ xấu tăng tới 211% chiếm đến 12,8% GDP.

Như đã phân tích, tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2012 thấp hơn nhiều so với những năm trước, trong khi tỷ lệ nợ xấu tăng rất cao đã phản ánh nợ xấu phát sinh mới chủ yếu là các khoản tín dụng đã được cấp trước đây, đồng thời cho thấy chất lượng tín dụng đang

Hình 4. Tốc độ gia tăng nợ xấu giai đoạn 2005- 2012



Nguồn: NHNN, tính toán của nhóm nghiên cứu

theo chiều hướng rất xấu, gây nên hậu quả nặng nề cho hệ thống ngân hàng mà không dễ giải quyết được ngay trong một sớm một chiều.

Hơn thế, cơ cấu nợ xấu hiện cũng là một vấn đề đáng quan tâm bởi vì bản chất nợ xấu khác nhau thì sẽ có biện pháp xử lý khác nhau. Nợ xấu của cả hệ thống NHTM tập trung chủ yếu vào lĩnh vực bất động sản và chứng khoán. Khu vực DNNN có nợ xấu rất lớn, chiếm khoảng 70% nợ xấu của toàn hệ thống, trong đó các tập đoàn kinh tế, tổng công ty chiếm 53% số nợ xấu (9/2012). Theo thống kê của Bộ Tài chính, các địa phương có công trình xây dựng cơ bản hiện đang nợ các doanh nghiệp liên quan đến dự án khoảng 90.000 tỷ đồng. Như vậy, khối nợ đọng này là từ vốn ngân sách, chẳng hạn như nợ của ngân sách với các doanh nghiệp ứng vốn từ ngân hàng để thi công các công trình cho các địa phương nhưng không được thanh toán. Đây là khoản nợ xấu thuộc trách nhiệm các địa phương xử

lý, chứ không thể là các ngân hàng. Tuy nhiên, việc xử lý khoản nợ đọng này của các địa phương dường như không hề dễ dàng. Vì vậy trong trường hợp này, cuối cùng Chính phủ sẽ phải là người can thiệp để xử lý bằng NSNN. Tuy nhiên, giống như các địa phương, NSNN cũng đang lâm vào tình trạng thâm hụt đáng báo động, cho nên biện pháp xử lý số nợ này đang là vấn đề bỏ ngõ.

2.2. Huy động vốn và thanh khoản

Nếu như trong năm 2011, huy động vốn và thanh khoản là một trong những khó khăn lớn nhất của hệ thống ngân hàng Việt Nam thì sang năm 2012, trạng thái thanh khoản của các NHTM mặc dù còn mỏng và tương đối bấp bênh ở một số ngân hàng, nhưng nhìn chung trong toàn hệ thống đã có sự cải thiện. Một số nét chính của tình hình huy động vốn và thanh khoản của hệ thống ngân hàng năm 2012 có thể được phác họa như sau:

(1) Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) đã hạ nhiệt trong năm

2012 xuất phát từ những dấu hiệu tích cực trong hoạt động huy động vốn

Tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) là một trong những chỉ báo về an toàn hoạt động của các TCTD, được sử dụng khá phổ biến trên thế giới.

Tại Việt Nam, LDR từng được quy định giới hạn trong Thông

Vấn đề nợ xấu của hệ thống NHTM Việt Nam cần có sự đánh giá lại toàn diện về bản chất, cơ cấu, quy mô cũng như trách nhiệm của các bên liên quan. Vấn đề trước mắt là xác định lại bản chất của nợ xấu nhằm xác định chính xác hơn mức độ nguy hiểm của nợ xấu với nền kinh tế. Theo quan điểm của chúng tôi, "nợ xấu" nên được phân chia thành hai nhóm: (1) "Nợ quá hạn từ nhóm 3 đến 5 nhưng có khả năng thu hồi" và (2) "nợ khó có khả năng thu hồi". Việc xác định cơ cấu như trên có thể góp phần đánh giá đúng hơn thực trạng nợ xấu, trách nhiệm các bên liên quan và từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp để xử lý triệt để nợ xấu.

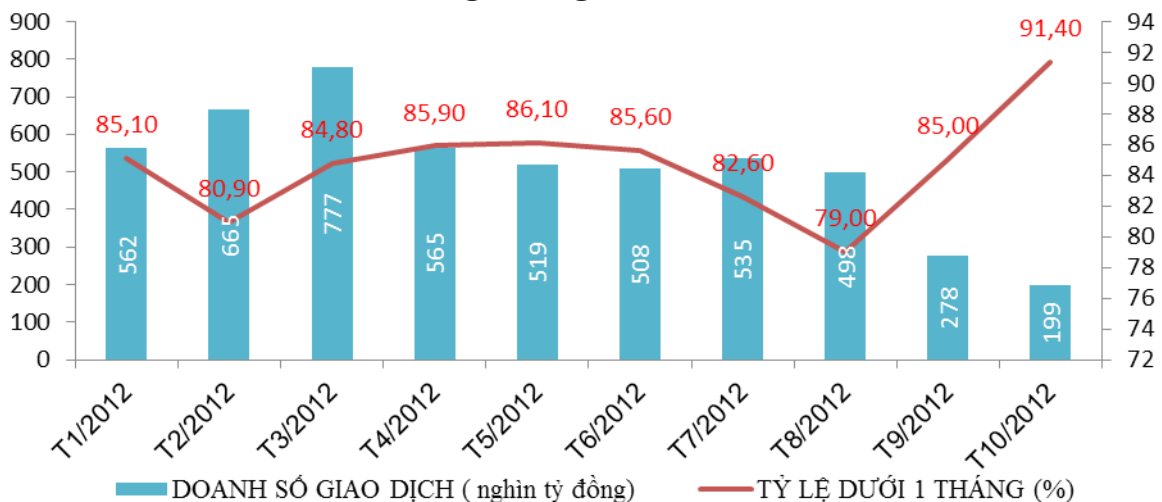
từ 13/2010, như một chỉ báo an toàn về thanh khoản bên cạnh quy định cụ thể về các tỷ lệ khả năng chi trả. Diễn biến trạng thái LDR của Việt Nam được cho là ở mức tương đối cao so với nhiều nước trong khu vực những năm gần đây. Tập hợp dữ liệu của một số tổ chức quốc tế cho thấy, tỷ lệ LDR của Việt Nam những năm 2009- 2011 thường duy trì ở mức cao, từ trên 100% cho tới gần 120%; trong khi nhiều nước trong khu vực phổ biến dưới 100%, như năm 2011 của Thái Lan là 95,8%, Malaysia 79,3%, Indonesia 75,5%, Philippines 62,6%... Thông thường, tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động càng cao thì khả năng chống đỡ thanh khoản của TCTD càng yếu khi tiền gửi bị rút đột ngột. Một tỷ lệ cao như vậy cũng phản ánh khó khăn thanh khoản gần như thường trực trong những năm gần đây của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2012 đến nay, LDR của hệ thống các TCTD Việt Nam đã có sự cải thiện khá nhanh. Theo dữ liệu của NHNN công bố, LDR chung của hệ thống (tính trên thị trường 1) cuối năm 2011 vẫn ở mức 103,23%, nhưng đã giảm khá nhanh trong những tháng gần đây. Đến tháng 4/2012 là 94,73%, tháng 5 còn 91,6%, tháng 6 còn 90,97% và cập nhật đến tháng 7/2012 đã xuống 89,79%. Trong khi tỷ lệ LDR vẫn còn khá cao ở khối NHTMNN (102,52%), các công ty tài chính và cho thuê tài chính (123,67%), thì khối NHTMCP có tỷ lệ thấp hơn đáng kể với chỉ 73,66%.

Về cơ bản, chuyển biến của tỷ lệ LDR trong năm 2012 chịu tác động của 2 yếu tố, bao gồm tín dụng tăng trưởng không đáng kể trong thời gian qua trong khi đó nguồn vốn huy động lại có sự gia tăng vượt trội. Cụ thể, ước tính đến tháng 10/2012 so với đầu năm,

tăng trưởng tín dụng mới chỉ 2,77% nhưng huy động vốn tăng trưởng tới 14,02%, trong khi đó huy động trên thị trường I trong 10 tháng đầu năm 2011 chỉ đạt 8,4%. Nếu như nguồn tiền gửi từ các tổ chức kinh tế sụt giảm được lý giải từ bối cảnh khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho lớn và nguồn vốn nhân rồi trở nên hạn hẹp, thì nguồn tiền gửi của dân cư lại được xem là một minh chứng cho niềm tin vào hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh lãi suất huy động đã liên tiếp giảm từ tháng 3/2012 cho đến cuối quý 3, từ mức trần 14%/năm xuống chỉ còn từ 9-12%/năm, thì nguồn vốn dân cư vẫn tiếp tục chảy vào ngân hàng. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, dù lãi suất liên tục giảm song tiền gửi dân cư vẫn tăng trưởng cao lại phản ánh một phần của sự kém hiệu quả trong các kênh đầu tư từng hút nhiều vốn những năm trước đây, cụ thể là kênh bất động

Hình 5. Doanh số giao dịch và tỉ trọng giao dịch dưới một tháng trên thị trường liên ngân hàng năm 2012



Nguồn: Báo cáo của NHNN

sản và chứng khoán, cũng như đình đốn trong sản xuất kinh doanh cá thể... Theo đó, gửi tiền vào ngân hàng là lựa chọn phổ biến trong dân cư thời gian qua. Bên cạnh dấu hiệu tích cực là nguồn vốn đổ vào ngân hàng đã gia tăng đáng kể, tuy nhiên chúng ta cũng cần nhìn nhận rõ vai trò, trách nhiệm của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng trong việc khôi phục lại sự phát triển của các kênh đầu tư như chứng khoán hay bất động sản để đảm bảo sự phát triển toàn diện của nền kinh tế. Nguồn vốn đầu tư của nền kinh tế không thể chỉ trông chờ vào vốn tiền gửi của dân cư từ ngân hàng trong khi vốn từ các kênh huy động vốn khác đóng băng và không được cải thiện.

(2) Giao dịch trên thị trường liên ngân hàng ổn định và có xu hướng suy giảm về khối lượng giao dịch vào cuối năm

Do những ảnh hưởng tích cực từ hoạt động huy động trên thị trường I, giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong năm 2012 nhìn chung ổn định, lãi suất liên ngân hàng không có biến động lớn, tổng doanh số giao dịch có xu hướng giảm về cuối năm, tuy nhiên khối lượng giao dịch ở kỳ hạn ngắn lại tăng mạnh và chiếm tới hơn 90% tổng khối lượng giao dịch.

Về cơ bản, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã có sự điều chỉnh giảm với mức độ khá đáng kể trong năm 2012. Đầu năm, lãi suất liên ngân hàng tất cả các kỳ hạn còn tập trung xoay quanh mức 14%/

năm, sau đó lãi suất đã giảm liên tiếp trong hai quý 1 và quý 2 trước khi tăng nhẹ trở lại vào dao động tương đối ổn định trong khoảng 6- 8%/năm cho tới đầu quý 4. Cùng với xu hướng giảm của lãi suất ở tất cả các kỳ hạn, tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tháng 9 và tháng 10 cũng đồng thời có sự sụt giảm khá mạnh, trung bình 1 phiên giao dịch bằng VND đạt khoảng 14.000 tỷ đồng, giảm 50% so với quý trước đó. Sự giảm sút giao dịch trên thị trường liên ngân hàng được lý giải do một số nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, nguồn vốn chảy vào ngân hàng trên thị trường 1 đã tăng trưởng đáng kể giúp cho thanh khoản hệ thống được đảm bảo. Mặc dù sự kiện ông Nguyễn Đức Kiên bị bắt vào tháng 8 đã khiến tình hình thanh khoản có sự biến động ở một số ngân hàng, nhưng tình hình đã nhanh chóng được kiểm soát và đi vào ổn định, kết quả là nhu cầu vốn trên thị trường 2 có xu hướng giảm xuống.

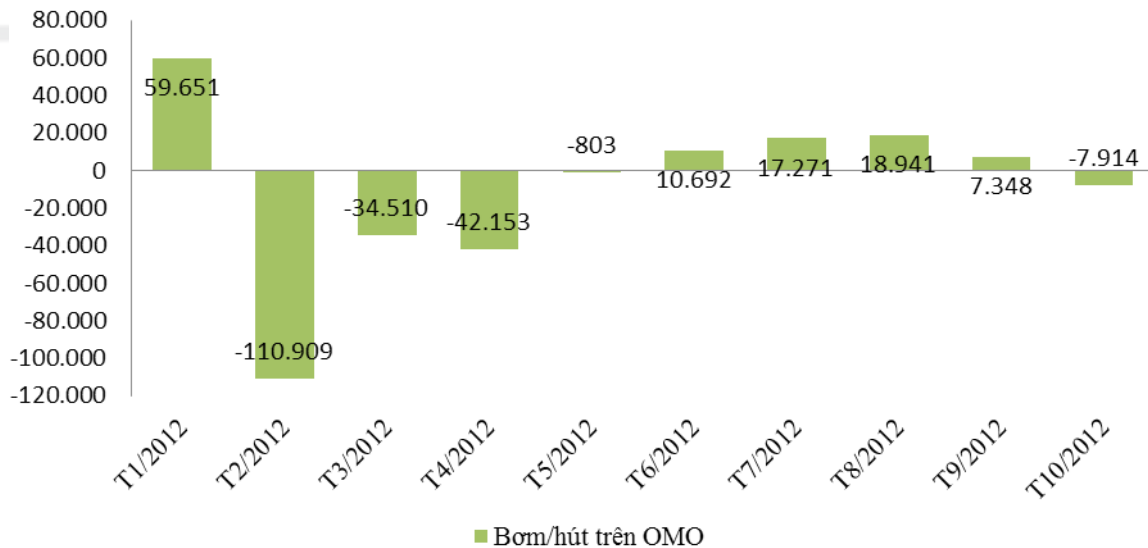
Thứ hai, doanh số trên thị trường liên ngân hàng giảm sút còn bắt nguồn từ việc các ngân hàng đã dần cảnh giác hơn với rủi ro nợ xấu hay việc chậm thanh toán các khoản vay trên thị trường liên ngân hàng. Nếu như trước đây các ngân hàng thiếu thanh khoản có thể dễ dàng dựa vào các khoản vay trên thị trường liên ngân hàng để bù đắp tức thời thì trong giai đoạn hiện nay các ngân hàng

cho vay trên thị trường 2 cũng đã thận trọng hơn và thường xem xét khoản vay tín chấp đi kèm với tài sản bảo đảm như tín phiếu chính phủ hay giấy tờ có giá khác. Đối với một số ngân hàng, tình trạng khó khăn thanh khoản xuất phát từ nhu cầu thanh khoản vàng khi mà các ngân hàng này đã để trạng thái vàng âm quá sâu. Trong thời gian trước đây, các ngân hàng này huy động vàng của dân rồi mang bán, khi thị trường có biến động, người dân cấp tập rút vàng ra nên buộc các ngân hàng phải mua vào để bù đắp. Ngoài ra, theo quy định của Thông tư 12 thì đến ngày 25/11/2012 (sau được gia hạn đến tháng 6/2013), các ngân hàng sẽ không được huy động vàng, chính các yếu tố này đã khiến tình trạng thanh khoản về vàng của một số ngân hàng thêm căng thẳng.

Thứ ba, Thông tư 21/2012/TT-NHNN ra đời cũng phần nào tạo ra sự trầm lắng của giao dịch trên thị trường liên ngân hàng. Thông tư này quy định: (i) TCTD có nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên không được tham gia vào thị trường liên ngân hàng; (ii) các NHTM không được gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại ngân hàng khác trên thị trường 2 mà chỉ được thực hiện giao dịch cho vay với kỳ hạn ngắn dưới 1 năm, loại bỏ cho vay ngân hàng trung, dài hạn. Do đó, khi giao dịch cho vay buộc các NHTM phải trích lập dự phòng rủi ro tương tự như các khoản cho vay thông thường.

Hình 6. Lượng tiền được bơm/hút trên OMO

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo của NHNN

Tuy nhiên, kể từ đầu tháng 9 đến nay, áp lực giảm lãi suất và doanh số trên thị trường 2 đã lại trở thành động lực thúc đẩy các ngân hàng có nguồn thanh khoản dồi dào không thể để vốn không sinh lời, phải gia tăng hoạt động tín dụng trên thị trường 1, từ đó tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp đang khó khăn tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng. Đây chính là mục đích của Thông tư 21 trong bước đi tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nhằm chấn chỉnh kỷ cương trên thị trường 2, hạn chế dòng vốn chạy lòng vòng trong ngân hàng, khơi thông nguồn vốn cho sản xuất.

(3) Thị trường mở (OMO) được duy trì ổn định với những biện pháp điều hành linh hoạt của NHNN

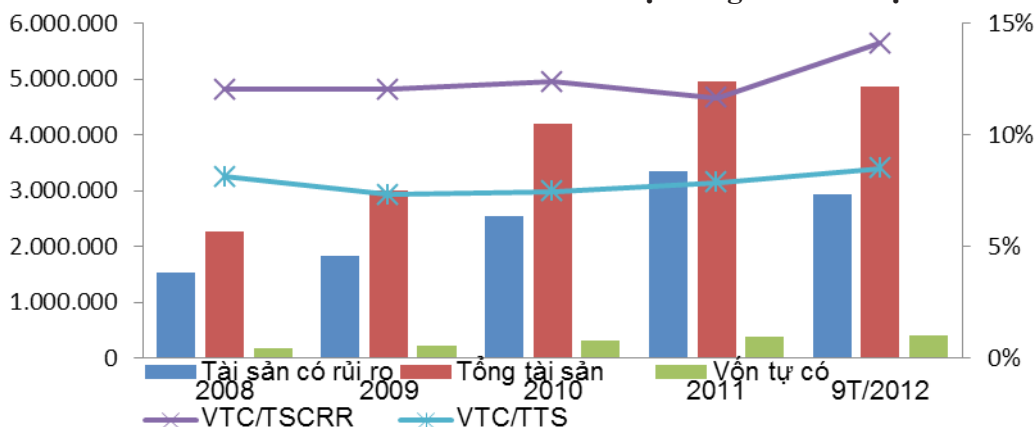
Diễn biến cùng nhịp với thị trường liên ngân hàng, tình hình thanh khoản trên thị trường mở trong năm 2012 không có nhiều biến động đột

biến. Trong hai quý đầu năm, để trung hòa lượng tiền mua ngoại hối, NHNN đã hút ròng một lượng tiền lên đến 118.332 tỷ đồng. Nhưng trong quý 3, NHNN đã bơm ra thị trường tổng cộng 43.560 tỷ đồng. Lượng tiền này bơm ra không nhằm mục đích hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống mà chủ yếu để thanh toán lượng tín phiếu đáo hạn lên đến 36.067 tỷ đồng. Sang đến tháng 10/2012, NHNN đã quay trở lại hút ròng 7.914 tỷ đồng qua kênh phát hành tín phiếu, nhằm đối phó với nguy cơ lạm phát tăng cao trở lại khi mà trong tháng 9 chỉ số CPI tăng tới 2,2%, đồng thời tận dụng nguồn cung thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng. Hiện tại, nhu cầu vay vốn ngắn hạn trên thị trường mở không nhiều khi mà trạng thái thanh khoản của các ngân hàng đã an toàn hơn, thể hiện ở khối lượng trúng thầu mỗi phiên thấp. Điều này là

sự cải thiện rõ ràng so với năm trước khi thanh khoản cạn kiệt đã đẩy lãi suất huy động tăng vọt lên 15- 17%.

Thông thường theo tính chất mùa vụ của thị trường ngân hàng, nhu cầu thanh khoản có xu hướng tăng mạnh vào cuối năm. Tuy nhiên, diễn biến trong thời gian vừa qua cho thấy đã có sự điều hành nhịp nhàng và kịp thời của NHNN dù xảy ra một số biến động trong hệ thống. Mặc dù vậy bất nguồn từ việc đón đầu nhu cầu thanh khoản cuối năm, một nhóm ngân hàng nhỏ đã có hiện tượng đẩy mạnh huy động vốn và tình trạng vượt trần lãi suất vẫn tiếp diễn khiến lãi suất tiền gửi tăng cao đối với cả kỳ hạn dưới 12 tháng và trên 12 tháng. NHNN cần tiếp tục kiểm tra và duy trì các biện pháp điều hành linh hoạt hơn để đảm bảo thị trường giữ được sự ổn định thanh khoản như trong thời gian vừa qua.

Hình 7. Các chỉ tiêu an toàn tài chính của hệ thống NHTM Việt Nam



Nguồn: Báo cáo của NHNN và tổng hợp của nhóm nghiên cứu

2.3. Quản trị an toàn vốn xuất hiện vấn đề đáng quan ngại

Nhìn toàn cảnh, hệ số an toàn vốn bình quân toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có sự cải thiện so với năm 2011. Tính đến tháng 9/2012, hệ số này là 14,11%, đảm bảo một khoảng cách khá xa so với mức yêu cầu 9% theo quy định của NHNN. Tuy nhiên, nếu căn cứ theo những khuyến nghị của Ủy ban Basel (Basel III) về an toàn vốn tối thiểu thì sự an toàn của hệ thống NHTM Việt Nam về vốn cần có những đánh giá lại.

Đến tháng 9/2012, tổng tài sản của hệ thống ngân hàng có sự đi xuống nhẹ, giảm 1,89% so với cuối năm 2011. Tài sản có rủi ro của toàn hệ thống cũng giảm xuống, trong khi đó vốn tự có được cải thiện đáng kể, tăng 5,76%. Điều này khiến cho tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của hệ thống gia tăng mạnh mẽ, cùng với đó thì hệ số vốn tự có so với tổng tài sản cũng có xu hướng đi lên, tuy nhiên với mức độ khiêm tốn hơn, từ mức

7,88% năm 2011 lên 8,5% năm 2012. Điều này phản ánh tỷ lệ đòn bẩy vốn của các ngân hàng Việt Nam vẫn ở mức cao. Nhìn chung, hai hệ số an toàn vốn tự có trên tài sản có rủi ro cũng như vốn tự có trên tổng tài sản có sự cải thiện, tuy nhiên *theo như khuyến nghị của Basel III, trong tình huống hệ số an toàn vốn ổn định nhưng tỷ lệ đòn bẩy tăng cao cũng có thể báo hiệu những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống NHTM.*

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR có sự phụ thuộc lớn vào mẫu số là tài sản có rủi ro, mặc dù vậy trước những biến động của nền kinh tế thì yếu tố này thường có sự thay đổi mạnh, từ đó ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ số CAR. Chẳng hạn trong những năm gần đây, rất nhiều khoản vay của hệ thống ngân hàng được bơm vào thị trường bất động sản, khi thị trường bất động sản đang rơi vào tình trạng trầm lắng sẽ khiến giá đất cũng như thanh khoản của thị trường này sụt giảm, tài sản được hạch toán có rủi ro của hệ thống ngân hàng

vì thế tăng lên nhanh chóng. Hay nói cách khác tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của hệ thống ngân hàng mặc dù hiện tại đang ở mức an toàn, có thể sụt giảm nhanh chóng trong

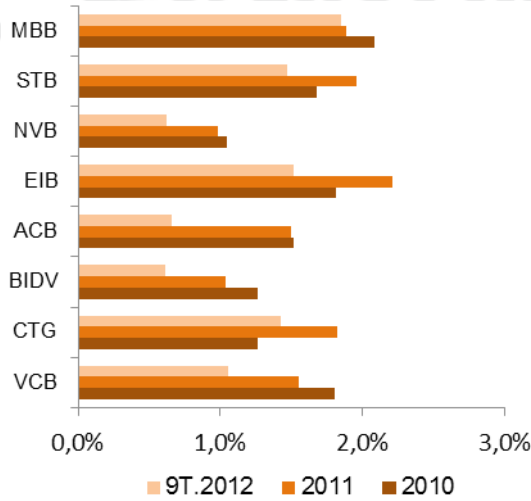
điều kiện tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn.

Như vậy, mặc dù hệ số CAR của hệ thống ngân hàng cao hơn không đồng nghĩa với việc khả năng chống chịu rủi ro của các ngân hàng được bảo đảm, mà thực chất tính an toàn của ngân hàng được phản ánh rõ nét hơn qua tỷ lệ vốn tự có/tổng tài sản. Trong biểu đồ trên, hệ số CAR và hệ số vốn tự có/tổng tài sản cùng được cải thiện nhưng tốc độ tăng của hệ số CAR cao hơn đáng kể so với hệ số vốn tự có/tổng tài sản trong năm 2012. Do đó, một yêu cầu đặt ra là các NHTM Việt Nam cần quan tâm hơn đến việc gia tăng hệ số vốn tự có/tổng tài sản hay giảm tỷ lệ đòn bẩy của mình để đảm bảo khả năng ứng phó với rủi ro trong thời gian tới.

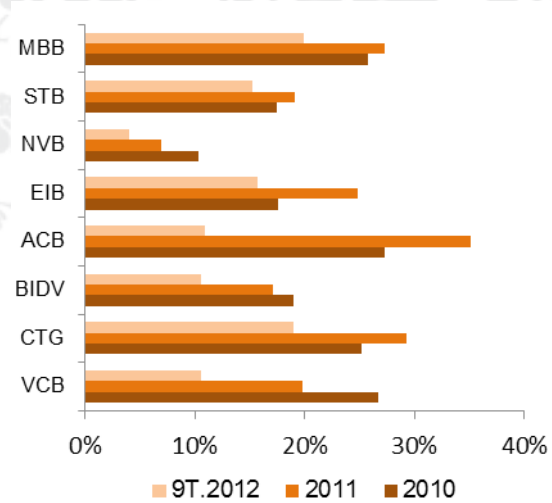
2.4. Tình hình lợi nhuận của hệ thống ngân hàng thấp so với mục tiêu đề ra

Với ngoại lệ một số điểm sáng như Vietinbank và Vietcombank vẫn đạt được mức lợi nhuận khá ổn định trong 3 quý năm 2012, xu

Hình 8. Chỉ số ROA giai đoạn 2010-9/2012



Hình 9. Chỉ số ROE giai đoạn 2010-9/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của các NHTM và tổng hợp của nhóm nghiên cứu

hướng chung và cũng là điểm nổi bật trong tình hình lợi nhuận của hệ thống NHTM năm 2012 sụt giảm mạnh so với năm 2011. Kết thúc quý 3/2012, rất nhiều các ngân hàng thông báo lợi nhuận sụt giảm lớn so với cùng kỳ năm 2011. Lợi nhuận âm đậm đã khiến các tỷ lệ ROA, ROE của các ngân hàng giảm so với các năm trước.

Kết quả kinh doanh thấp của 3 quý năm 2012 cùng với tốc độ tăng trưởng tín dụng vẫn

chậm đã khiến các ngân hàng không thể hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận đề ra từ đầu năm (hình 10).

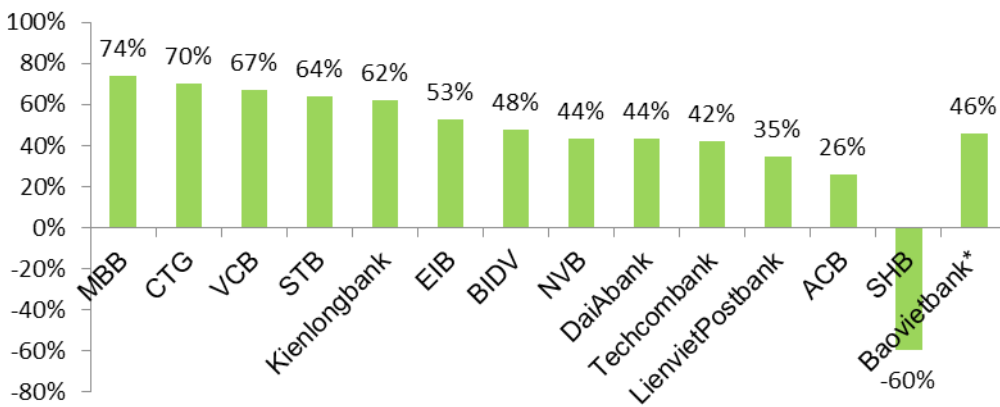
Trước tình hình lợi nhuận thấp như trên, nhiều ngân hàng đã phải giảm chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2012. Cụ thể, Kienlongbank là NHTMCP nhỏ đầu tiên thông báo giảm khoảng 14,5% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2012. VCB là ngân hàng lớn đầu tiên giảm chỉ tiêu lợi nhuận cả năm với mức giảm khoảng 13% so với

kế hoạch ban đầu. Lợi nhuận thấp của các NHTM trong năm 2012 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, thu nhập phần lớn từ hoạt động tín dụng trong khi tăng trưởng tín dụng cả năm 2012 đạt mức rất thấp. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng vẫn luôn chiếm hơn 80% trong cơ cấu thu nhập của hệ thống NHTM trong những năm vừa qua. Những năm trước khi nền kinh tế tăng trưởng nóng, tín dụng tăng mạnh thì tỷ trọng

lớn của hoạt động tín dụng đã mang lại những khoản lãi lớn cho các ngân hàng. Tuy nhiên, năm 2012 đã chứng kiến tốc độ tín dụng tăng trưởng âm liên tục trong các tháng đầu và tăng thấp các tháng sau đó. Thực trạng tín dụng tăng thấp

Hình 10. Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế 9 tháng 2012 so với kế hoạch năm 2012 của các NHTM



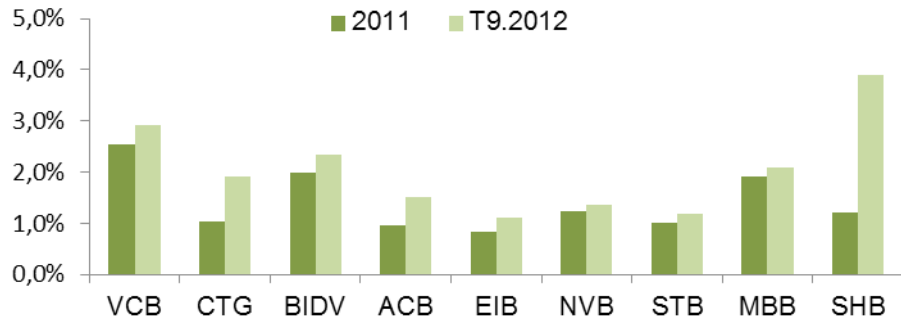
Nguồn: Báo cáo tài chính, Nghị quyết ĐHCĐ của các NHTM

*: Số liệu của Baovietbank là 6 tháng năm 2012

năm nay cũng đã khiến các ngân hàng bộc lộ thể trạng yếu khi phụ thuộc quá lớn vào hoạt động tín dụng dẫn đến một khi nguồn lợi nhuận chính của các ngân hàng là thu nhập lãi giảm làm cho lợi nhuận ngân hàng giảm tương ứng.

Thứ hai, thu nhập lãi giảm do mất bằng lãi suất cho vay giảm. Khác với năm 2011 khi NHNN chỉ quy định trần lãi suất huy động mà không quy định trần lãi suất cho vay, mức lãi suất cho vay cao đã khiến mức chênh lệch lãi suất đầu ra- đầu vào của năm 2011 mở rộng lên tới 5,23%⁴ khiến vấn đề đạo đức kinh doanh của các NHTM đã được đặt ra khi các NHTM vẫn công bố lãi lớn trong khi các doanh nghiệp vẫn khó khăn, thì bức tranh lợi nhuận ngân hàng năm 2012 lại cho thấy sự khó khăn chung của cả nền kinh tế. Năm 2012, bên cạnh trần lãi suất huy động, NHNN đã thực thi các biện pháp nhằm giảm mất bằng lãi suất cho vay như quy định mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND tối đa là 13%/năm áp dụng đối với 4 nhóm đối tượng ưu tiên và đề nghị các TCTD rà soát và điều chỉnh giảm lãi suất của các khoản vay cũ về mức tối đa 15%/năm. Những biện pháp này là cần thiết và giúp doanh nghiệp giảm chi phí lãi

Hình 11. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng năm 2011 và tháng 9/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của các NHTM

vay, thể hiện chính sách nhất quán của Chính phủ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Tuy nhiên với các NHTM, mặc dù trần lãi suất huy động chỉ còn 9%, nhưng chi phí giá vốn trung bình của các NHTM vẫn cao do đầu năm trần lãi suất vẫn còn ở mức 14% và giảm dần sau 4 lần điều chỉnh, lãi suất cho các kỳ hạn dài phổ biến ở mức 12%. Như vậy, khi thực hiện chủ trương giảm mất bằng lãi suất cho vay này, mức chênh lệch lãi suất biên giảm đã khiến doanh thu và lợi nhuận của các NHTM bị giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên vẫn cần phải nhìn nhận rằng sự mở rộng nhanh chóng của hệ thống ngân hàng trong những năm vừa qua đã khiến chi phí hoạt động tăng mạnh, trong đó có chi phí dành cho nhân viên luôn cao hơn so với những ngành khác. Những chi phí này cũng được ngân hàng tính vào mức lãi suất đầu ra cho vay doanh nghiệp, khiến mức lãi suất mà các doanh nghiệp vay được vẫn còn ở mức cao. Để nhận thấy

là trường hợp của Vietinbank khi ngân hàng này cắt giảm mạnh chi phí lương và phụ cấp từ 5.143 tỷ đồng lũy kế 9 tháng năm 2011 xuống còn 2.779 tỷ cùng kỳ năm 2012 nên mặc dù tổng thu nhập hoạt động quý 3/2012 giảm so với quý 3/2011, nhưng lợi nhuận quý 3/2012 lại tăng mạnh. Quý 3/2012, lợi nhuận thuần của Vietinbank tăng tới 71,5% và lợi nhuận thuần lũy kế 9 tháng năm 2012 tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Vì vậy, các NHTM hoàn toàn có thể quản lý chi phí hoạt động của mình tốt hơn, nhằm chia sẻ gánh nặng chi phí tài chính, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Thứ ba, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng do nợ xấu tăng mạnh. Chất lượng tín dụng suy giảm khiến các NHTM đã phải tăng mạnh trích lập dự phòng rủi ro tín dụng làm cho lợi nhuận của các ngân hàng giảm đáng kể. Điển hình là ngân hàng SHB lũy kế ba quý năm 2012 bị lỗ lên tới 1.106 tỷ đồng do chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đã tăng mạnh sau

⁴ Nguồn: Học viện Ngân hàng (2011), "Hoạt động Ngân hàng Việt Nam-Điểm lại năm 2011 và Dự báo năm 2012"

khi ngân hàng này sáp nhập với Habubank hồi giữa năm 2012.

Theo thông tin của NHNN, sau kết quả thanh tra giám sát, một số TCTD có nợ xấu thực tế lên tới vài chục phần trăm trong khi số liệu theo báo cáo tài chính chỉ là 1-3%. Nếu những ngân hàng này phải trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ cho số nợ xấu này, lợi nhuận ngân hàng giảm là không thể tránh khỏi, thậm chí phải sử dụng vốn chủ sở hữu để xử lý nợ xấu. Ngày 27/11/2012, NHNN đã ban hành Văn bản số 7789/NHNN-TTGSNH về việc trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, theo đó yêu cầu các NHTM tích cực phân loại nợ đầy đủ và chủ động sử dụng dự phòng cụ thể để xử lý nợ xấu, đặc biệt là nợ nhóm 5. Như vậy, các NHTM sẽ còn phải tiếp tục trích lập dự phòng rủi ro và triển vọng lợi nhuận của các NHTM trong năm tới sẽ không sáng sủa.

Thứ tư, một số ngân hàng bị thua lỗ từ hoạt động kinh doanh vàng. Năm 2012 đã chứng kiến những khoản lỗ lớn lên đến hàng nghìn tỷ của các ngân hàng đến từ hoạt động kinh doanh vàng. Đáng chú ý nhất là khoản lỗ 1.144 tỷ đồng trong quý 3 từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối của ACB, tăng 12,7 lần so với mức lỗ 84 tỷ cùng kỳ năm ngoái. Trong 9 tháng, kinh doanh vàng và ngoại hối của ngân hàng này lỗ tổng cộng 1.251 tỷ đồng, gấp gần 5,7 lần so với mức lỗ 188 tỷ đồng cùng


kỳ năm ngoái, khiến cho lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2012 của ACB chỉ còn 1.087 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh vàng tài khoản tại nước ngoài với những giao dịch hợp đồng kỳ hạn vàng nếu đầu cơ đúng chiều thay đổi của giá có thể làm giảm đáng kể những ảnh hưởng bất lợi từ biến động giá vàng. Nhưng hợp đồng bán kỳ hạn trong bối cảnh giá vàng tăng cao đã là nguyên nhân gây ra lỗ của các NHTM khi các hợp đồng này được thực hiện. Ngoài ra, thực hiện quy định trong Thông tư 12/2012/TT-NHNN ngày 27/4/2012 của NHNN về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD, các ngân hàng đã đồng loạt phải tăng cường mua vàng để cân bằng trạng thái, đảm bảo kịp tất toán đúng hạn. Theo số liệu chính thức từ NHNN, ngày 26/10/2012, trong vòng 6 tháng qua, các TCTD đã mua hơn 60 tấn vàng để tất toán hợp đồng, số còn thiếu phải tất toán khoảng 20 tấn (hơn 520.000 lượng vàng). Lực cầu lớn đã khiến giá vàng trong nước tăng cao, có thời điểm giá vàng đã lên tới 47-48 triệu đồng/1 lượng, chênh cao hơn giá thế giới quy đổi lên tới trên 3 triệu đồng/1 lượng dẫn đến những khoản thua lỗ lớn từ hoạt động kinh doanh vàng của các ngân hàng này.

Kết quả thua lỗ từ hoạt động kinh doanh vàng của các ngân hàng cùng với diễn biến giá vàng vẫn chênh lệch hàng triệu đồng/1 lượng so với giá thế giới đòi hỏi các chính sách về

quản lý thị trường vàng được nghiên cứu và thực thi nhằm ổn định thị trường này.

(Còn nữa)

tiếp theo trang 38

rộng tín dụng, nguyên tắc bảo đảm chất lượng tín dụng vẫn phải được ưu tiên nhằm tránh nợ xấu phát sinh. Đi kèm với biện pháp xử lý nợ xấu đang được NHNN và các NHTM tích cực triển khai, NHNN phải tiến hành thanh tra, giám sát quy trình cấp tín dụng tại các NHTM để bảo đảm rằng các khoản cấp tín dụng được thực hiện đúng theo quy định. Bên cạnh đó, điều hành CSTT phải gắn với bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng, song song với việc điều hành CSTT, NHNN cũng cần tập trung thực hiện khẩn trương Đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011- 2015 ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-TTg để lành mạnh hóa hệ thống các TCTD, góp phần nâng cao hiệu quả truyền tải CSTT. 

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Ngân hàng. 2011. *Hoạt động Ngân hàng Việt Nam- Điềm lại năm 2011 và Dự báo năm 2012.*
2. Học viện Ngân hàng. 2012. *Hoạt động Ngân hàng Việt Nam – Bức tranh toàn cảnh 2012 và khuyến nghị chính sách 2013.*
3. *Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 13/NQ-CP*
4. *Nghị quyết số 10/2011/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015.*
5. *Chỉ thị số 01/CT-NHNN và Chỉ thị số 06/CT-NHNN*